

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-4- 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông **Nguyễn Quang Chung**

2. Ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp NL1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhật H1**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp NL1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt bà H, ông H1 (bà H có đơn xin vắng mặt, ông H1 triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H thể hiện:

Bà và ông Nguyễn Nhật H1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2005, được Ủy ban nhân dân xã PX, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2005. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay bà không còn tình cảm với ông H1 nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Nhật H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Anh K và đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Như Q cho ông H1 nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông H1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H1 không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 30/12/2020 ý kiến yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Nhật H1 thể hiện:

Ông và bà H tự tìm hiểu yêu thương rồi kết hôn với nhau vào năm 2005 được Ủy ban nhân dân xã PX cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, ông vẫn còn tình cảm với bà H và vì tín ngưỡng tôn giáo nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của bà H, ông H1 (Bản sao); Giấy khai sinh (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của các đương sự; Đơn thể hiện nguyện vọng của con. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn ông H1.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Nhật H1 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012; Giao cháu Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/12/2012 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H1 tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa yêu cầu.

Giao cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H tạm thời chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ông H1 chưa yêu cầu.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Tự thỏa thuận giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Điều luật áp dụng: Điều 18, 85, 86, 88, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 205 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt do bà có đơn xin vắng mặt, ông H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ông H1 có địa chỉ tại Ấp NL1, xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 24/11/2020, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn, ông H1 là bị đơn trong vụ án.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Nhật H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông H1 được xác lập vào năm 2005. Được Ủy ban nhân dân xã PX, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2005. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của bà H và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (Bút lục số 25, 26). Ông H1 không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà H và vì tín ngưỡng tôn giáo nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng. Thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ bà H không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn ông H1 vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật, điều này thể hiện ông H1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy hôn nhân giữa ông H1, bà H không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Để ông H1, bà H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà được ly hôn với ông H1.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H khai báo ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Anh K và đồng ý giao cháu Nguyễn Lê Như Q cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H1 cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Ông H1, bà H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và điều kiện kinh tế của ông H1, bà H là hoàn toàn chính đáng nhưng việc nuôi dưỡng con chung phải đảm bảo mọi mặt về điều kiện cũng như quyền lợi cho các cháu. Sau khi tham khảo ý kiến thì cháu Nguyễn Lê Như Q có nguyện vọng được sống với ông H1, cháu Nguyễn Lê Anh K có nguyện vọng sống với bà H. Vì vậy giao cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo

dục là đảm bảo quy định của pháp luật. Tạm thời ông H1, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà H khai không có, nên không xem xét; Ông H1 nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung đối với bà H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Nhật H1.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 01/8/2008 cho ông H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 11/10/2012 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H1, bà H do các bên không yêu cầu.

Ông H1, bà H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp tạm ứng

án phí tại biên lai thu số 0003860 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thanh H, ông Nguyễn Nhật H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân phú;
- Chi cục THA huyện Tân phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PX, huyện TP, tỉnh ĐN;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh